

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 471

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 26.06.2011

Địa điểm: Cao Hùng – Đài Loan

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 594, bắt đầu xem từ hàng thứ 7, đọc từ đoạn này.

“Cứu cánh nhất thừa, nhất thừa giả, thành Phật duy nhất chí đạo, tối cực viên đôn chí giáo pháp, thừa vi xa thừa, dĩ dụ Phật chí giáo pháp, giáo pháp khả tải vận hành nhân, đặng u Niết Bàn bỉ ngạn, cố vi nhất thừa”. “Thắng Man Bảo Quạt thượng” vân: Nhất thừa giả, chí đạo vô nhị, cố xưng vi nhất, vận dụng tự tại, mục chi vi thừa. Hựu Thắng Man Kinh viết: Nhất Thừa tức thị đệ nhất nghĩa thừa.”

Phía trước chúng ta học tập đến đoạn này. Đoạn này Niệm Lão thuyết minh cho chúng ta về “cứu cánh nhất thừa”. Nhất thừa pháp là gì? Trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật từng nói đến: “duy hữu nhất thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết”. Từ câu kinh này, chúng ta có thể hiểu được, chư Phật Như Lai từ bi vô cùng, đức Phật giúp đỡ chúng sanh muốn giúp đỡ đến lúc nào? Câu nói này nói rất rõ, giúp đỡ quý vị chúng đến quả vị rốt ráo. Kinh Hoa Nghiêm nói là Diệu Giác Như Lai, là nhất thừa. Đây là bản nguyện của Phật. Nhưng chúng sanh nghiệp quá nặng, mê lầm quá sâu, mê lầm quá lâu. Tuy đức Thế Tôn giảng Nhất thừa pháp cho chúng ta, chúng ta nghe không hiểu, không thể đoạn nghi sanh tín, cho nên trong đời này không đạt được lợi ích chân thật. Vì thế Phật Đà liên khai pháp môn phương tiện, đem Nhất thừa pháp phân thành mấy giai đoạn để học tập.

Nhất thừa pháp ví như hiện nay sở nghiên cứu trường đại học mở lớp tiến sĩ, không còn lớp nào cao hơn nữa, nhưng trí tuệ cơ bản của chúng ta, cũng không có cách gì để học tập chương trình này. Thế là lớp mở tiểu học, mở lớp trung học, mở lớp đại học. Đây đều gọi là phương tiện thuyết. Mục đích là gì? Mục đích là bảo quý vị lấy được học vị tiến sĩ, học vị tiến sĩ của Phật môn gọi là Phật Đà, học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A la hán. Danh xưng này là danh xưng học vị trong giáo dục Phật giáo. Giống như A la hán, Bồ Tát đều là phương tiện môn. A la hán là Tiểu Thừa, Bồ Tát là đại thừa. Bích Chi Phật coi là Trung thừa. Nếu như nói Tam thừa, tức có Bích Chi Phật. Nói nhị thừa Bích Chi Phật và A la hán hợp lại một. Nên có lúc nói là Nhị thừa, có lúc nói Tam Thừa. Nhưng nguyện vọng của Như Lai là cho chúng ta Nhất thừa pháp rốt ráo.

Phàm phu thành Phật là sự việc đương nhiên như vậy, là sự việc hiện thành. Vì sao vậy? Trong kinh điển Đại Thừa Phật giảng rất nhiều, câu này vô cùng quan trọng, đó chính là: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Câu nói này là chân thật, không phải là lời giả dối. Vậy vì sao hiện tại trở thành như vậy? Trở thành phàm phu, hơn nữa biến thành phàm phu tạo tất cả tội nghiệp. Chúng ta ngày nay khởi tâm động niệm nói năng tạo tác, tạo nghiệp gì? Thật lòng mà nói, nghiệp nhân thiên chúng ta tạo rất ít. Nghiệp nhân đạo, giáo dục truyền thống được Phật Pháp khẳng định rồi, đó là chánh pháp, Ngũ luân là nghiệp để làm người. Ngũ thường, tứ đức, bát đức, nếu như chúng ta khởi tâm động niệm nói năng tạo tác, và những thứ này nhất định không trái nhau. Kiếp sau quý vị vẫn sanh vào cõi người, quý vị sẽ không bị mất thân người. Trong Phật Pháp thập thiện, tam qui, ngũ giới và truyền thống chúng ta nói về luân thường đạo đức hoàn toàn tương ứng. Nếu như dùng tiêu chuẩn này để nhìn thế gian này, dường như người tạo nghiệp không nhiều lắm. Vậy muốn tạo nghiệp để được sanh thiên phải thù thắng hơn nghiệp làm người, càng cao hơn. Luân thường đạo đức cao cấp, trong Phật Pháp nói là thập thiện của thượng phẩm, là thiên đạo. Chúng ta hiện nay khởi tâm động niệm là gì? chưa xa lìa tự tư tự lợi, chưa xa lìa danh văn lợi dưỡng, chưa xa lìa tham sân si mạn, thậm chí thực sự có không ít người khởi tâm động niệm đều là tôn người lợi mình. Tâm hành như vậy nghiệp họ tạo tác là nghiệp tam đồ. Họ tạo là nghiệp súc sanh, nghiệp ngạ quỷ, nghiệp địa ngục. Điều này không thể không biết. Lúc tạo nghiệp không biết, biết rồi sao có thể làm những việc này được, do không biết. Chúng ta ngày nay chắc chắn cũng không biết. Luân lý đạo đức không còn ai nói nữa. Học Phật, thập thiện ngũ giới cũng không có ai giảng, người giảng kinh thì có, người nói thập thiện ngũ giới không có. Vì sao không có nữa? Vì không có ai muốn nghe. Dường như nhìn thấy kinh luận này, bản thân không tiếp tục xem được, không tiếp tục nghe được. Vừa xem dường như không làm được, thôi vậy, đừng xem nữa. Tuyệt đối không phải nói không xem, thì không đọa tam đồ. Không xem quý vị vẫn phải đọa tam đồ như vậy. Nghe xem có việc tốt, tuy đã tạo ác nghiệp rồi, chỉ cần vẫn còn một hơi thở, có thể sám trừ nghiệp chướng, có thể sám hối được. Nếu như không hiểu những đạo lý này, không biết pháp sám hối, sự việc này phiền phức lớn rồi. Cho nên người học Phật đối với những môn học cơ bản này, giáo dục cơ bản, Đệ tử quy của Nho giáo, Cảm ứng thiên của Đạo giáo, Thập Thiện Nghiệp của Phật giáo, không thể không xem. Trước Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh có một thiên tự văn, nó không gọi là lời tựa, nó gọi là thượng Dụ, do Ung Chánh Hoàng Đế viết, đối với bộ kinh này rất sùng bái, Ông không viết tự văn cho những bộ kinh khác, chỉ viết tự văn cho Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, dụng ý rất sâu.

Ung Chính là một đệ tử Phật giáo kiên thành, sau khi làm Hoàng đế đem Ung Thân Vương phủ hiến dâng cho Phật Giáo làm đạo tràng. Hiện nay quý vị đến Bắc Kinh tham quan du ngoạn, đó là nơi bố cục cảnh vật tập trung – Ung Hòa Cung, ở trong đó là Lạt Ma của Mật Tông. Đây là ngày xưa Ung Chính Hoàng Đế, trước khi làm Hoàng đế là nhà cửa ông ấy ở, đem quyên tặng. Ông là người tinh thông đối với

Phật Pháp. Từ đây chúng ta nói cơ sở giáo dục không thể sơ suất được. Tu học Phật Pháp nói một cách đơn giản là cầu phước cầu huệ, phước huệ song tu. Phước huệ rốt ráo viên mãn chính là rốt ráo nhất thừa. Rốt ráo nhất thừa thực tiễn cụ thể chính là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Cho nên mười phương nhất thiết Chư Phật Như Lai, tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, những điều này đều là biểu diễn cho chúng ta thấy, cho nên trong Kinh Thắng Man nói: “nhất thừa tức là đệ nhất nghĩa thừa”. Đệ nhất nghĩa chính là chí đạo cứu cánh duy nhất mà trước đây đã nói, là giáo pháp tối cực viên đốn, đây thuộc về đệ nhất nghĩa.

Hựu Cảnh Hưng viết: “Nhất thừa giả, tức trí tuệ duy hữu tam, kỳ cực vô nhị, cố vân nhất Thừa”. Trí này tuy có ba, thông thường cũng phân phối trong tam thừa. A la hán chứng đắc là nhất thiết trí, Bồ Tát chứng đắc là đạo chủng trí, Như Lai là nhất thiết chủng trí, điều này trước đây chúng ta đều đã học qua. Tuy có ba loại chủng trí này “kỳ cực vô nhị”. Chữ “cực” này chỉ cho hướng thượng đi lên, cuối cùng đều là nâng cao đến “nhất thiết chủng trí”. Nhất thiết chủng trí chính là cứu cánh Nhất thừa.

Kinh Pháp Hoa chuyên nói về lý của Nhất thừa. Phẩm Phương Tiện của kinh này nói: “Trong mười phương Phật độ, duy có nhất thừa pháp, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói”, lời này nói rất rõ ràng, rất minh bạch.

Lại nói: “ duy đây một sự thật, hai kia tức phi chân”, đây là nói lời chân thật. Thành Phật là thật, Bồ Tát A la hán là hướng đến con đường chân thật để đi, còn chưa đi đến nhà, vẫn còn trên đường. Thành Phật là coi như đã đến nhà rồi, mục đích đến đã đến được. A la hán, Bồ Tát phương hướng chính xác, nhưng chưa đạt đến điểm cần đến.

Hựu Tịnh Ảnh Sớ viết: “thừa thị hành dụng”, hành là chúng ta lữ hành. Lữ hành phải dùng đến phương tiện giao thông. Thừa là xe, tác dụng của xe là phương tiện giao thông. Là thứ dùng để đi, dùng để lữ hành. “Hành năng vận thông”, ngày nay chúng ta nói là vận tải, vận chuyển, nên gọi là Thừa.

“Tùy hóa đa thừa, tựu thật bất thù”. Phật giáo hóa chúng sanh rất nhiều phương pháp. Ở Trung Quốc nói là mười tông phái, Tiểu thừa hai tông phái, Đại thừa tám tông phái. Từ nửa đời nhà Đường trở về sau, Tiểu thừa không còn nữa. Chư vị Tổ sư cảm thấy Nho giáo và đạo giáo đủ để thay thế cho pháp Tiểu thừa. Sự phiên dịch của kinh điển Tiểu thừa vô cùng hoàn bị, đem so sánh đối chiếu với kinh điển Pali Nam Truyền hiện nay quý vị sẽ biết được. Sự việc này tôi chưa từng làm qua, Chương Gia đại sư có nói qua với tôi. Tiểu thừa Tạng tiếng Pali so với Tứ A Hàm phiên dịch qua Hán văn dường như chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ. Kinh điển Tiểu thừa có khoảng 3000 bộ,

chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, có thể thấy phiên dịch tiếng Hán rất khá, gần như đã dịch hoàn chỉnh. Ngày nay người học Tiểu thừa không còn nữa.

Ngày xưa lúc tôi ở Đài Trung học tập kinh giáo với thầy Lý, trong kinh giáo Tiểu thừa dường như thầy Lý chọn ra năm mươi mấy loại dạy chúng tôi. Chúng tôi cũng còn dính một ít bên ngoài. Chư vị Tổ sư xưa nay hơn một nửa dùng Nho, dùng Đạo để thay thế, cho nên ngày xưa những vị Tổ sư này, họ đối với Nho, Thích, Đạo toàn thông, không phải chỉ là học Phật. Tứ Thư, Ngũ Kinh, Tam Thập Kinh họ thực sự đã học. Những người nổi tiếng của Đạo Gia như “Lão Tử”, “Trang Tử”, họ đều học tập. Đích thực là văn hóa đa nguyên. Thiệu Lâm Tự có một tấm bia, ở đây là bản thu nhỏ lại, chính là tấm bia của Thiệu Lâm Tự, trong tấm bia này có một tượng, nhìn chính diện là Thích Ca Mâu Ni Phật, nhìn từ hai bên, một bên là Lão Tử, một bên là Không Tử. Tựa đề của nó là “Hỗn Nguyên Tam Giáo Cửu Lưu Đồ Tán”. Ở Trung Quốc Tam giáo Nho, Thích, Đạo, tam giáo cửu lưu là một nhà. Tấm bia này khắc từ khi nào, khắc vào thời Đường Túc Tông, nhà Đường. Túc Tông là con trai của Đường Minh Hoàng, cách chúng ta ngày nay khoảng 1300 năm. 1300 năm trước người Trung Quốc đã bàn về văn hóa đa nguyên. Người nước ngoài đến thời cận đại mới bàn về văn hóa đa nguyên. Lão tổ tông của chúng ta đã dẫn đầu, 1300 năm trước đã làm rồi, tấm bia này là bằng chứng. Từ đó cho thấy những lão Tổ tông, tư tưởng của họ, đích xác là tiên phong cho người hiện đại. Người hiện đại làm được đã cảm thấy rất thời thượng, rất sáng tạo, nhưng lúc nhìn thấy tấm bia này thì không còn lời gì nói nữa. 1300 năm trước đã làm rồi. Cho nên giáo hóa chúng sanh nhất định không phải là một phương pháp. Nhất định phải rất nhiều phương pháp. Phật pháp vì căn tánh của tất cả chúng sanh không tương đồng, văn hóa không tương đồng, tập quán cuộc sống không tương đồng, sở thích không tương đồng, cho nên hằng thuận chúng sanh. Đức Phật tuyệt đối không kiên trì chủ trương của mình, không có. Chủ trương của bản thân là thành kiến, đã sớm bị phế bỏ rồi. Bắt đầu học Phật đã buông bỏ thành kiến rồi, mới có thể tiếp thu của người khác. Quý vị muốn học gì, tôi liền dạy quý vị cái đó. Cho nên giáo dục Phật Giáo mới thành công.

Phật giáo hóa chúng sanh không phải theo ý của bản thân Phật. Vì sao vậy? Vì Phật không có ý gì cả. Phật đã buông bỏ ý của mình. Tâm của Phật chính là thanh tịnh bình đẳng giác mà chúng ta đã nói trong đề kinh, đây là Phật tâm. Trong thanh tịnh bình đẳng giác không có những tạp niệm này. Trước đây chúng ta học qua, Phật biết được, tất cả pháp thế gian xuất thế gian thể tướng tương đồng, không phải không có, đều là bất khả đắc. Thể lý tất cả tướng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên đều xa lìa hết. Tướng tuy có, nhưng tướng là huyễn tướng, là tướng sát na sanh diệt, không phải là vĩnh hằng thường trú. Cho nên trong tất cả hiện tượng, không có chấp trước, không có phân biệt, không có khởi tâm động niệm. Như vậy mới có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Tùy hỷ công đức là nói về dạy học,

không phải là tùy Phật, là tùy chúng sanh, bất luận chúng sanh muốn học cái gì, Phật đều dạy quý vị.

Trước đây chúng ta học qua tất cả pháp đều là Phật pháp, không có pháp nào không phải là Phật pháp. Lời này rất cuốc phải nói như thế nào thì mới nói rõ được? Trong tất cả các pháp quý vị đều có thể ly tướng, thì gọi là Phật pháp. Chấp trước liền không phải là Phật pháp, chính là việc như vậy. Tiêu chuẩn chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị đối với tất cả các pháp có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây gọi là thế gian pháp. Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, pháp này liền gọi là Phật pháp. Quý vị đối với tất cả pháp đều không có phân biệt chấp trước, cũng không khởi tâm động niệm, tất cả pháp không phải toàn là Phật pháp sao? Quốc độ của Chư Phật Như Lai là Phật pháp; ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, cũng là Phật pháp. Không chấp trước tức là Phật pháp. Chấp trước thì thay đổi rồi, liền gọi nó là pháp thế gian. Pháp không có thay đổi, là thế gian pháp hay là Phật pháp, chỉ do nơi quý vị có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước hay không? Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, pháp liền bình đẳng, pháp liền nhất như. Cho nên tất cả pháp như như, là đạo lý như vậy. Tất cả pháp có thể thọ dụng, không thể chấp trước, không thể phân biệt, không thể chiếm hữu, không thể không chế. Những thứ này đều gọi là vọng tưởng. Buông tất cả những thứ này xuống, buông xuống chính là tự tánh. Tất cả hiện tượng đều là tự tánh biến hiện.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Tâm là chân tâm, chính là tự tánh, chân tâm chính là tự tánh, cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là chân như. Trong kinh giáo Đại Thừa đối với sự việc này, Phật dùng mấy mươi danh từ, đệ nhất nghĩa cũng là, cũng nói về vấn đề này. Phật vì sao dùng danh từ nhiều như vậy? Ý là bảo chúng ta đừng chấp trước, danh từ là giả danh. Chỉ cần hiểu được ý nghĩa là đúng rồi, phá chấp trước về tướng danh tự của chúng ta, dùng phương pháp này. Đây gọi là phương tiện thiện xảo của việc dạy học. Cho nên tùy hóa đa thừa. Đây chính là nói lữ hành, phương tiện giao thông rất nhiều, đều có thể dùng. Có một số phương tiện giao thông tốc độ nhanh, có một số tương đối chậm, cuối cùng đều có thể đạt đến đích đến. đây chính là tùy hóa đa thừa, là thật không khác.

“Thị dĩ ngôn nhất, ư thử nhất thừa, cùng danh cứu cánh.” Nhất thừa pháp mục tiêu chung cuộc là nhất định là thành Phật, chắc chắn chứng đắc cứu cánh viên mãn, đây gọi là nhất thừa.

Ý của sớ này, cùng tận lý của nhất Phật thừa này, gọi nó là cứu cánh nhất thừa. Những đạo lý này trong Kinh Hoa Nghiêm nói viên mãn nhất, nói thấu triệt nhất. Pháp Hoa và quyển Kinh Vô Lượng Thọ của chúng ta hoàn toàn tương đồng. Kinh Hoa Nghiêm nói tỉ mỉ, Kinh Vô Lượng Thọ nói sơ lược. Nội dung không có sai khác, cho nên cổ đức gọi Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà và Kinh

Vô Lượng Thọ là một bộ kinh, cũng là quảng lược không giống nhau, nội dung hoàn toàn tương đồng, gọi Kinh A Di Đà là Tiểu bản Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm gọi nó là đại bản Kinh Vô Lượng Thọ, có sai hay không? Không có. Lời này là đời nhà Thanh, vào năm Càn Long Bành Tế Thanh cư sĩ nói. Vị cư sĩ này cũng rất vĩ đại. Một đời nghiên cứu kinh giáo, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Ông ta nói không sai.

Đương đại, sau đó chư vị Tổ sư đối với cách nói của ông đều có khẳng định. Ông niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trong Vãng Sanh Truyện có truyện ký của Ông.

Dựa theo ý nghĩa của sớ này, cùng tận lí của Nhất Phật thừa gọi nó là cứu cánh nhất thừa. Nhất thừa kinh là gì? Chúng ta cũng có thể lãnh hội được. Bộ kinh này đối với đạo lý Nhất Phật thừa, chính là lý luận, phương pháp tu học, cho đến cảnh giới khế nhập có thể nói được rất rõ ràng, rất minh bạch. Kinh này gọi nó là Nhất Thừa kinh.

Chư đại Bồ Tát ở Thế giới Cực Lạc, bi thệ hoằng thâm, tuy trú nơi cực lạc, nhưng vì ai mãi chúng sanh, nên vẫn thị hiện ở trong tam giới sanh tử, trú bình đẳng huệ, tinh cần tu tập, nên kinh viết: bình đẳng cần tu ở trong tam giới, cứu cánh liễu đạt lý của tướng nhất thừa, đặc đến Niết bàn bỉ ngạn, nên viết: chí u bỉ ngạn.

Đây là nói về Bồ Tát ở Thế giới Cực Lạc, chỉ cần sanh đến Thế giới Cực Lạc, cho dù là cõi đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đều có năng lực này, điều này không thể nghĩ bàn. Câu “cực lạc chư đại Bồ Tát” không chỉ xưng cõi Thật báo, cõi Thật báo là Ma Ha tát, cũng tức là bao gồm cõi Phương tiện, cõi Đồng cư, vì sao vậy? Nguyên thứ hai mươi của Phật A Di Đà, nguyên thứ hai mươi trong 48 nguyện của Ngài, rõ ràng minh bạch nói với chúng ta rằng: chỉ cần sanh đến Thế giới Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí đó thật là không thể nghĩ bàn. A Duy Việt Trí Bồ Tát là pháp thân đại sĩ, viên chứng tam bất thoái.

Nói theo ý nghĩa của “viên chứng tam bất thoái” thì Kinh Hoa Nghiêm từ sơ trụ trở lên, tức là nói theo ý nghĩa của “viên chứng tam bất thoái”. “Viên chứng tam bất thoái”, viên là viên mãn. Tam bất thoái chứng được rồi, nhưng chưa viên mãn. “Viên chứng tam bất thoái”, cổ đức có nói là thất địa trở lên, viên mãn rồi. Có thể nói, thất địa trở lên, thực sự là cứu cánh nhất thừa. Viên giáo sơ trụ trở lên đó là nhất Phật thừa. Quý vị nếu nói họ cứu cánh nhất thừa, cũng có thể nói thông được, không phải nói không thông, có thể nói thông được. Cách nói này của cổ đức cũng có lý, đem cứu cánh nói là thất địa Bồ Tát trở lên. Bi nguyện hoằng thệ, tứ hoằng thệ nguyện của họ: “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, tuy ở Thế giới Cực Lạc, ở nơi đó tu học, mục tiêu là phải chứng đắc quả vị Diệu Giác, chưa chứng đắc quả vị Diệu Giác, đây là pháp thân Bồ Tát.

Nếu như là A Duy Việt Trí, A Duy Việt Trí là do bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, cho nên vừa đến Thế giới Cực Lạc, quý vị sẽ là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nói cách khác, quý vị chính là cứu cánh nhất thừa. Đây là cách nói quảng nghĩa, không sai.

Quý vị tâm từ bi nhiều, chư Phật Như Lai thương xót chúng sanh khổ nạn trong lục đạo thập pháp giới, cho nên họ thường thường thị hiện trong tam giới. Tam giới là, dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Thường thường thị hiện nơi đây, trong sanh tử lục đạo. Đến để làm gì? đến để độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh ly khổ đắc lạc.

Khổ từ đâu mà có? Từ mê hoặc điên đảo có. Lạc từ đâu mà có? Lạc từ giác ngộ mà có. Vậy Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, cách cứu như thế nào? Giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, chúng sanh giác ngộ rồi, tức là ly khổ đắc lạc. Không phải lúc khổ nạn chúng sanh, họ không có đồ ăn, biểu cho họ một chút đồ ăn, họ không có áo mặc, tặng cho họ chút áo để mặc, không phải là ý này. Đây chỉ là giải quyết nhất thời, không thể giải quyết vĩnh viễn. Đây không phải là thực sự giúp đỡ họ. Thực sự giúp đỡ họ, thì phải dạy họ khai ngộ, cho nên tất cả chư Phật Bồ Tát, bao gồm cả A la hán, thị hiện trong lục đạo không ai không giảng kinh dạy học. Giảng kinh dạy học chính là từ bi cứu tế của Phật Bồ Tát. Thực sự dạy quý vị ly khổ đắc lạc, ly khổ đắc lạc là quả, nhân chính là phá mê khai ngộ, phá mê rồi, khổ liền không còn nữa, giác ngộ rồi, lạc liền đến. Cho nên chư Phật Bồ Tát thị hiện trong thế gian này để làm gì? Dạy học. Điều này nhất định phải hiểu được.

Năm trước tôi cùng đoàn tôn giáo Malaysia viếng thăm, đi thăm viếng Giáo Hoàng Pope Benedict XVI ở Vatican của Thiên chúa giáo. Ở lại Vatican hai ngày, hai lần giao lưu, chủ giáo đoàn của họ Đào Nhiên chủ giáo làm đại biểu. Ông ta trình bày một bài báo cáo, nội dung của bài báo cáo này, chúng tôi không biết. Thiên chúa giáo có tổ chức, cho nên họ đối với những tin tức về phương diện tôn giáo, vô cùng linh thông. Nói với chúng tôi, gần đây khoảng hai mươi năm trở lại, người tín ngưỡng tôn giáo trên toàn thế giới mỗi năm mỗi đi xuống, họ rất lo lắng, nếu như tiếp tục như vậy, họ nói khoảng sau 20 năm, 30 năm nữa, có lẽ không còn ai tín ngưỡng tôn giáo. Nêu ra một tin tức như vậy, mọi người chúng tôi nghe xong đều cảm thấy rất ngỡ ngàng. Đây là một vấn đề nghiêm trọng, đây không phải là việc nhỏ. Vì sao ngày nay trong xã hội này, người tín ngưỡng tôn giáo càng ngày càng ít? Lúc đó tôi nêu ta cách nghĩ của tôi, tôi nói với mọi người: ngày xưa lúc Moses sáng giáo, lúc Giê su sáng giáo, lúc Muhammad sáng giáo, lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni sáng giáo, vì sao có nhiều người tín ngưỡng như vậy, có nhiều người theo họ học tập như vậy, mà đời đời tương truyền đến ngày nay? Lịch sử 2000 năm, Do Thái giáo 4000 năm, nguyên nhân là gì? Đến ngày nay vì sao lại suy rồi, có phải ngày nay con người không tin nữa? Điều này chúng ta nên kiểm thảo lại, phải phản tỉnh lại. Tôi nêu ra một phương hướng suy nghĩ, tôi nói chúng tôi tỉ mỉ quan sát, ở trong kinh điển ghi chép lại quý vị sẽ thấy được,

những người này ngày xưa tại thế họ đều dạy học, họ làm cái gì? Họ làm giáo dục tôn giáo.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy 49 năm, Giêsu dạy ba năm, bị người ta hại chết, Moses cũng dạy hơn 20 năm, Mohamad dạy 27 năm, họ đều là nhà giáo dục xã hội. Cộng thêm với cách gọi thời thượng ngày nay là nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Quý vị nghĩ nghĩ xem, họ có phải là thân phận này không? Mà mỗi người thân phận đều là người công tác nghĩa vụ đa nguyên văn hóa. Họ dạy học, quý vị xem không phân biệt quốc tịch, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tín ngưỡng, dạy dỗ không phân biệt. Chỉ cần quý vị chịu học không có ai không được hoan nghênh. Quý vị cần thận suy nghĩ, tỉ mỉ quan sát trong kinh điển, hôm nay bị suy tàn là do đâu? Ngày nay chúng ta làm mất giáo dục tôn giáo, không làm việc dạy học nữa. Không làm việc dạy học, lại làm việc cầu nguyện.

Cầu nguyện hữu hiệu không? Có. Không thể nói không hữu hiệu. Hiện nay khoa học cũng nghiên cứu phát hiện, cầu nguyện hữu hiệu. Năng lượng của ý thức tập thể không thể nghĩ bàn, đây là kết luận của khoa học, nhưng người đời không tin tưởng! Quý vị nói xem, có tai họa chúng ta cầu nguyện tai họa hóa giải được. Người ta nói quý vị ăn nói bậy bạ, căn bản là không có tai họa, quý vị ở đây gạt người. Quý vị không thể đem chứng cứ ra được.

Dạy học thì không như vậy, dạy học có thể trị gốc, giúp một người giác ngộ, giúp người khác hồi đầu, giúp người khác bỏ ác làm thiện, giúp họ cải tà quy chánh, điều này mới đúng. Cầu nguyện là trị ngọn, không trị gốc. Lúc đại tai nạn đến rồi, tạm thời cầu nguyện hữu hiệu, việc lâu dài nhất định phải dạy học. Tôi nêu ra cho mọi người làm tham khảo, hi vọng toàn thế giới mỗi một tôn giáo nhanh chóng khôi phục giáo dục, hướng đến ngày xưa những tổ sư sáng giáo, những vị sáng lập tôn giáo này mà học tập họ. Tôn giáo nếu không trở về với giáo dục, tiền đồ của họ rất bi quan, không lạc quan. Lúc đó tôi nêu ra một chút về cách nhìn nhận như vậy.

Suốt đời tôi theo con đường giáo dục. Đây là thầy Phương Đông Mỹ và Chương Gia đại sư chỉ đạo chúng tôi. Tôi xuất gia, Chương Gia đại sư khuyên răn tôi, lựa chọn cho tôi nghề nghiệp này. Dặn dò tôi phải học Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời giảng kinh dạy học, điều này trong kinh điển chúng ta có thể thấy được. Ngoài giảng kinh dạy học ra Ngài không làm những hoạt động gì khác. Không có hướng dẫn người ta tổ chức Phật thất, hay là tổ chức thiên thất. Nếu như có sự việc này trong kinh điển nhất định có ghi chép, không có. Trong kinh giáo Đại Thừa chỉ đề cập đến việc tu hành ở mỗi người, cho nên đức Phật chỉ dạy học, dạy quý vị, quý vị rõ ràng rồi, quý vị hiểu được rồi, cách tu như thế nào đó là việc của bản thân quý vị.

Tu cái gì? buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây chính là tu hành, đây là sự việc của bản thân quý vị. Dùng phương pháp gì để buông bỏ là việc của quý vị,

không phải là việc của người khác. Phương pháp mỗi người không giống nhau, cho nên có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Không phải là một phương pháp, mỗi pháp đều linh, chỉ cần thực sự buông xả được. buông được thì khôi phục thanh tịnh bình đẳng giác, tâm thanh tịnh khôi phục rồi, quý vị liền chứng đắc A la hán, tâm bình đẳng khôi phục được rồi, quý vị liền thành Bồ Tát. Đại triết đại ngộ, quý vị liền thành Phật. Đây là tiêu chuẩn trong Phật Giáo, cho nên Thế giới Cực Lạc, những Bồ Tát này vô cùng từ bi, bản thân còn chưa chứng đắc viên mãn, họ đã làm những sự nghiệp giúp đỡ chúng sanh, thị hiện trong tam đồ lục đạo.

“Trú bình đẳng huệ, tinh cần tu tập”, họ có trở ngại bản thân họ tu tập không? Không có. Vì sao không có? Họ trú bình đẳng huệ. Ba chữ bình đẳng huệ này chính là thanh tịnh bình đẳng giác trong đề kinh. Bình đẳng đương nhiên bao gồm cả thanh tịnh, không thanh tịnh làm sao bình đẳng được? Bình đẳng cao hơn thanh tịnh, thanh tịnh chưa chắc bình đẳng, bình đẳng nhất định sẽ thanh tịnh.

Chữ huệ phía sau tức là giác. Tâm của họ không mê, trong lục đạo luân hồi, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn họ không mê. Vì sao không mê? Họ không chấp trước. Bởi vì họ biết tướng những cảnh giới này, “phàm có hình tướng đều là hư vọng”, họ trong lục đạo không có tham sân si mạn nghi, tất cả đều đoạn rồi. Cho nên tâm của họ là thanh tịnh bình đẳng giác, trong lục đạo, trong tam đồ đang khảo nghiệm, xem họ có nhiễm trước hay không, nhiễm là sai, là đọa lạc rồi, thực sự không nhiễm, chứng minh họ được nâng cao. Cho nên trong thuận cảnh không có tham luyến, nâng cao rồi. Trong nghịch cảnh không có oán hận, vĩnh viễn duy trì thanh tịnh bình đẳng giác, thanh tịnh bình đẳng giác chính là không ngừng hưởng thượng đi lên, tự lợi lợi tha, không phải lợi tha thì không có tự lợi, mình người đều lợi. Cho nên những Bồ Tát này có niềm vui mà không làm, đều thích làm những sự việc này.

Nên kinh nói: “ở trong tam giới, bình đẳng cần tu”, quý vị xem tam giới chính là: dục giới, sắc giới, vô sắc giới, bình đẳng chuyên tu, giúp đỡ người khác, cũng là nâng cao chính mình.

“Cứu cánh liễu đạt thật tướng nhất thừa chi lý”, nếu như không có cứu cánh liễu đạt thật tướng nhất thừa, tâm từ bi của họ không thể sanh khởi, thực sự liễu đạt tâm từ bi tự nhiên sanh khởi. Vì sao vậy? Vì tâm từ bi là tánh đức vốn có trong tự tánh, không phải từ bên ngoài đến, chỉ là bản thân chúng ta có chướng ngại, tâm từ bi không hiển thị ra được. Chúng ta hiển thị ra cái gì? Hiển thị ra là tự tư tự lợi, là tham sân si mạn, không có từ bi, những điều này chúng ta nên biết. Biết rồi quý vị dần dần sẽ hồi đầu, quý vị dần dần sửa lỗi, quý vị mới có thể nâng cao bản thân. Nếu như không biết được, mơ mơ hồ hồ sống qua một đời, e rằng đời sau còn mê hoặc hơn cả đời này. Sự việc này ví dụ nhiều lắm. Người đời sau càng rõ ràng hơn đời này thì không nhiều, người càng mê hoặc hơn cả đời này thì nhiều. Vậy chúng ta nên làm hạng người nào,

không thể không nghĩ nhiều một chút. Cho nên những vị Bồ Tát này, họ chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Không những hi vọng bản thân đắc đến Niết Bàn bỉ ngạn, cũng hi vọng tất cả chúng sanh đều có thể giống như bản thân mình vậy, cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà, đến được bờ kia. Điều chỉ có một ý niệm đơn thuần như vậy.

Hội Sớ viết: bỉ ngạn, Niết Bàn diệu quả vậy. Đây là nghĩa của hai từ bỉ ngạn.

Tịnh Ảnh Sớ viết- đây là lời của Huệ Viễn đại sư đời nhà Tùy. “Chỉ ư bỉ ngạn, Niết bàn quả cực”, Niết bàn quả cực chỉ cho cực quả của Niết bàn. Tức quả giác chí cao vô thượng, cứu cánh thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm gọi là “diệu giác”, ở trên đẳng giác. Đây gọi là cứu cánh thành Phật.

Đoạn dưới đây giải thích “quyết đoạn nghi võng, thử hữu dị thích”, câu nói này cô đúc có những giải thích khác nhau.

Tịnh Ảnh Sớ viết: “trừ vọng hiển chơn, danh đoạn nghi võng”. Nghi này là chướng ngại rất lớn của Bồ Tát. Đối với chúng ta mà nói là tai nạn rất nghiêm trọng. Chúng ta học Phật phải chăng thực sự không còn nghi hoặc nữa? Không thể được. Nếu như thực sự không có nghi hoặc, vậy thì sự tu hành của quý vị có chân công phu rồi. Quý vị chắc chắn đắc tam muội, quý vị nhất định có chỗ ngộ, không phải là đại triệt đại ngộ thì quý vị cũng có đại ngộ. Đây là điều chắc chắn. Trong kinh điển nói: cảnh giới của Chư Phật Như Lai, không phải là thường thức của chúng ta. “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, chúng ta có thể chắc chắn không? Tự nhiên có nghi hoặc. Phật nói là lời chân thật, tuyệt đối không phải là lừa chúng ta. Cũng không phải là lời khích lệ chúng ta. Lão tổ tông của chúng ta cũng đã nói qua, Phật Pháp chưa đến Trung Quốc, lão tổ tông đã nói: “nhân tánh bản thiện”, cho nên sau này biên vào trong Tam Tự Kinh, câu đầu tiên, “nhân chi sơ tánh bản thiện”.

Chữ “thiện” này không phải là thiện trong thiện ác, chữ thiện này là danh từ tán thán, và câu đức Phật nói “nhất thiết chúng sanh bản lai thị Phật”, ý nghĩa rất tương đồng. Phật là bậc tối thiện. Chữ thiện này là hoàn mỹ, không có khiếm khuyết, cho nên kiến tánh thành Phật. Chúng ta có thể không hoài nghi sao? Người thế gian đều là người tốt, tôi thấy thế gian này người xấu rất nhiều, làm sao có thể nói đều là người tốt? Chúng ta thấy sai rồi, Phật Bồ Tát không có nhìn sai, Phật Bồ Tát thấy là gì? Tánh là không, tướng là giả, cho nên họ bình đẳng rồi. Bình đẳng mới là chân thiện, bình đẳng không có sai trái. Quan điểm của chúng ta không tương đồng, chúng ta nhìn thấy là vọng tưởng, người ta nhìn thấy là thật tướng, là chân tướng. Chúng ta chỉ có nhục nhãn, người ta ngũ nhãn viên minh. Họ có nhục nhãn, có thiên nhãn, có pháp nhãn, có huệ nhãn, có Phật nhãn, thì làm sao mà nhìn sai được! Chúng ta ngay cả thiên nhãn cũng không có, cho nên nhìn mọi thứ đương nhiên là nhìn sai. Nghe điều Phật giảng chúng ta nghi hoặc, nghi hoặc của chúng ta làm sao mà đoạn? Thực sự đoạn nghi là

phải tu hành công phu, phải thiền định, phải bát nhã. Ngày nay chúng ta đoạn nghi sanh tín, duy nhất một phương pháp cầu giải ngộ. Đó chính là đọc tụng kinh giáo Đại Thừa. Nghe kinh có thể đoạn nghi, đọc kinh cũng có thể đoạn nghi. Không có duyên nghe kinh chúng ta phải đọc tụng, cổ nhân nói rất hay: “đọc sách nghìn lần, tự thấy nghĩa nó”, nghĩa là đạo lý, tự thấy nghĩa nó, tức đạo lý tự nhiên rõ ràng. Đạo lý rõ ràng rồi, nghi liền phá được, tức không còn nghi hoặc nữa. Đây là một phương pháp. Một ngàn lần đọc như vậy, tâm quý vị sẽ định lại, nhưng những thứ này phải là một bộ kinh, không phải là rất nhiều kinh điển, nhiều kinh điển, quý vị đọc tạp rồi, đọc loạn rồi, như vậy hiệu quả rất khó. Nếu như một bộ kinh, đọc từng lượt từng lượt, bộ kinh này đọc một ngàn lần tâm liền định. Một ngàn lần mà tâm không định được, nghiệp chướng chúng ta nặng, điều này chúng ta phải biết. Duyên của xã hội ngày nay rất phức tạp. Đây không phải là thiện duyên, rất khó khăn làm cho tâm chúng ta định lại được. Đây là môi trường sinh sống của chúng ta không bằng cổ nhân, vậy thì phải làm sao? Hai ngàn lần, ba ngàn lần, mười ngàn lần. Quý vị có quyết tâm như vậy cứ tiếp tục đọc, chắc chắn quý vị có thành tựu. Kiên trì phương pháp này, đó chính là trì giới, nhân giới đắc định, nhân định mà khai huệ. Đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh của tu học phương đông. Mấy ngàn năm nay đều chưa có thay đổi qua, đều dùng phương pháp này.

Hiện nay thay đổi rồi, hiện nay không dùng nữa, hiện nay dùng phương pháp khoa học nước ngoài. Từng môn từng môn này đều nảy sinh vấn đề. Rất nhiều vấn đề đều bị nêu ra rồi. Nếu như quý vị không tỉ mỉ, quý vị sẽ không phát hiện được. Thực sự tỉ mỉ quý vị mới hiểu được. Phương pháp truyền thống này còn hay hơn phương pháp khoa học ngày nay, thực dụng hơn phương pháp khoa học ngày nay, thực sự có thể giải quyết vấn đề. Cho nên đoạn nghi sanh tín là một sự việc vô cùng quan trọng trước mắt chúng ta. Thời khóa này phải dùng phương pháp học như thế nào.

Hội Sớ và giải thích của nó đều giống nhau. Sớ viết: “đoạn trừ nghi vọng, trí tuệ tự sanh”. Nghĩa của nó đều thiên về đoạn trừ lưới nghi. Nhưng Gia Tường Sớ viết: “ người quyết đoạn nghi vọng, có thể đoạn nghi hoặc cho chúng sanh”. Quý vị xem cách nói này khác rồi. Trước đây là nói cho bản thân, đoạn nghi hoặc của mình, cách nói sau là Bồ Tát giáo hóa chúng sanh giúp đỡ chúng sanh đoạn lưới nghi cho họ.

“Hai điều có khác, nhưng cũng không trái”, nói tuy rằng không giống nhau, một là đoạn nghi hoặc của bản thân, một là đoạn nghi hoặc của người khác. Tuy rằng không giống nhau cũng không trái với nhau. Vì có thể trừ nghi hoặc cho chúng sanh, trước đó tự thân đã vô nghi. Đây là đạo lý chắc chắn vậy. Nếu như bản thân không có tín tâm, làm sao có thể giúp đỡ người khác xây dựng lòng tin? Bản thân có nghi hoặc làm sao có thể giúp đỡ người khác đoạn nghi hoặc? Lời này nói rất có lý.

Lại tự thân đã đoạn nghi hoặc, chân trí tự sanh, ắt khởi đại hạnh, khiến khắp chúng sanh đoạn nghi chứng chân. Đây cũng là đạo lý chắc chắn vậy. Nghi hoặc của bản thân đoạn rồi, trí tuệ liền sanh khởi, cho nên nghi chướng ngại trí tuệ mà tự tánh vốn có, trí tuệ tuyệt đối không phải từ bên ngoài đến. Phật nói câu nói này, chúng ta phải tin tưởng: tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai. Chúng ta nhất định phải tin tưởng, không thể nghi hoặc.

Đức Phật nói là lời chân thật. Chúng ta và Chư Phật Như Lai có trí tuệ giống nhau, có đức năng giống nhau, có tướng hảo giống nhau. Chỉ là chúng ta ngày nay mê rồi, Phật Bồ Tát giác ngộ rồi, nếu như chúng ta phá mê khai ngộ, trí tuệ đức tướng của chúng ta sẽ hiện tiền, nó không phải từ bên ngoài đến. Ngày nay trí tuệ đức tướng chúng ta vì sao không thể hiện tiền? Chúng ta có nghi. Phật có nói rõ ràng hơn nữa, minh bạch hơn nữa, khẩn thiết khuyên nhủ chúng ta hơn nữa, chúng ta vẫn không tin, cảm thấy bản thân không có trí tuệ, bản thân ngu si. Trên thế giới này có rất nhiều người thông minh, chúng ta so sánh với họ, không bằng họ, đều là tâm trạng như vậy. Đây chính là bản thân chúng ta tu như thế nào, học như thế nào, đều không có hiệu quả hiển hiện. Càng ngày nghi càng nặng, thậm chí ngay cả Thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Tây phương, tây phương không có biên tế.

Tôi niệm Phật muốn đi tây phương, cách đi như thế nào? Đây đều là nghi vấn. Thật đến Tây phương, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị, dẫn quý vị đi, quý vị không cần hỏi phương hướng nào. Phật không đến đón quý vị, không dẫn quý vị đi, quý vị chắc chắn chưa đến Thế giới Cực Lạc. Quý vị tìm không ra, quý vị nhất định bị lạc mất phương hướng, cho nên nhất định phải cầu Phật dẫn quý vị đi. Phật có đến hay không? Chắc chắn sẽ đến. Vì sao vậy? Vì đây là nguyện vọng trong 48 nguyện của Ngài. Tự Ngài phát nguyện vậy. Phật đến tiếp dẫn, nói cho quý vị biết, là phân thân của Phật. Cùng thời khác xứ, Phật có thể phân thân vô lượng vô biên, tiếp dẫn thập phương vô lượng vô biên chúng sanh vãng sanh Thế giới Cực Lạc, không lọt sót một ai cả.

Chúng ta đối với sự việc này phải có lòng tin, nhất định không nên hoài nghi. Cho nên tự thân vô nghi, tự thân đã đoạn nghi sanh tín, chân trí tự sanh, trí tuệ từ trong bản tánh nhất định sẽ hiển lộ ra bên ngoài. Hiển lộ trí tuệ nhiều ít, liên quan đến công phu tu hành của bản thân quý vị, lòng tin quý vị càng thật, trí tuệ càng lớn. Lòng tin càng ít, trí tuệ cũng nhỏ. Trí tuệ sanh khởi rồi, nhất định khởi đại hạnh, đại hạnh là gì? Tự lợi lợi tha. “Rộng khiến chúng sanh đoạn nghi chứng chơn”, đây là đại hạnh. Tâm lượng quý vị đã khai mở rồi, đối với chúng sanh sanh khởi tâm bình đẳng. Không phải là người mình thích thì độ họ trước, người không thích để qua một bên từ từ độ sau! Đó không phải là chân chánh giác ngộ, chân chánh giác ngộ là tâm bình đẳng, chắc chắn không có oán thân, chỉ là nói nhân duyên. Người hữu duyên độ trước, người không có duyên độ sau. Duyên là gì? Họ tin tưởng, họ có thể hiểu được, họ chịu niệm Phật, đây là người có duyên. Duyên chưa thành thực đừng nói với họ, họ không tin

tướng. Họ không thể hiểu được, họ không muốn niệm Phật, không muốn đến Thế giới Cực Lạc, đây là không có duyên. Không có duyên, có thể đợi một thời gian rồi đến độ họ.

“Nên biết kinh văn, thật kiêu hai nghĩa”, trong kinh văn, hai nghĩa này có lẽ đều có, đều có thể giảng thông được.

Đoạn cuối là “chứng vô sở đắc”, vô sở đắc còn gọi là vô sở hữu, vô sở đắc và vô sở hữu là cùng một ý nghĩa, tức không huệ, đây là trí tuệ chân thật. Không huệ chính là vô phân biệt trí, đây là đại trí tuệ. Trong đại trí tuệ chắc chắn không có phân biệt. Nếu có phân biệt, phân biệt chính là phiền não, trần sa phiền não. Chấp trước là phiền não, kiến tư phiền não. Phiền não khởi lên, trí tuệ liền không còn nữa. Thế là chúng ta đã hiểu được, Bồ Tát ở Thế giới Cực Lạc căn bản không có phân biệt, không có chấp trước.

“Thê vô tướng chi chân lý”, thê là thê hội, nói như vậy cũng được, thê hội chân lý vô tướng. Cũng có thể nói “thê” này là bản thê, chính là chân như, chính là chân tâm, chính là tự tánh. Tự tánh không có tướng. Điều này trước đây chúng ta đã học nhiều rồi, ba loại hiện tượng đều không có.

Tự tâm không có chấp trước, không có các phân biệt, nên nói là “vô sở đắc”. Bất luận là lý thê hay hiện tướng, đều không sanh tâm động niệm, đều không có phân biệt chấp trước. Đây là gì? Thực sự hiểu được thật tướng các pháp. Thê của thật tướng chính là năng sanh năng hiện, bất khả đắc. Tự tánh khởi tác dụng, đây chính là năng sanh vạn pháp. Trong Hoàn Nguyên Quán nói là: xuất sanh vô tận. Những hiện tượng này, “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, thức chính là A lại da, mặt na, ý thức. Chúng khởi tác dụng, thường thường đem những tướng do tự tánh sở hiện này làm cho nó sanh biến hóa. Có bao nhiêu biến hóa? Trong Hoàn Nguyên Quán nói với chúng ta “xuất sanh vô tận”, đó chính là biến hóa quá nhiều, vô lượng vô biên, vô số vô tận, Vì sao vậy? Tùy theo ý niệm quý vị đang thay đổi, ý niệm vừa mới khởi nó liền thay đổi. Cho nên nói trong hiện tượng chắc chắn không có hai cái hoàn toàn tương đồng, đạo lý này nhất định phải hiểu. Chắc chắn không tìm ra hai cái tương đồng. Cho nên tướng là hư huyền, nó không phải là chân thật. Đây là ý nghĩa của vô sở đắc.

Tâm Kinh nói: “vô trí diệc vô đắc”. Trong Đại Trí Độ Luận nói: “trong thật tướng của các pháp, nhất định tướng bất khả đắc, nên gọi vô sở đắc”. Lại Niết Bàn Kinh nói: “vô sở đắc tức gọi là huệ, hữu sở đắc gọi là vô minh”, đây nói rất hay, nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì sao vậy? Vì vô sở đắc.

Quý vị nhìn thấu rồi, quý vị buông xuống rồi, đây là trí tuệ, là trí tuệ chân thật. Vì sao vậy? Quý vị đối với muôn sự muôn vật trong vũ trụ, quý vị hiểu rõ ràng rồi. Quý vị trong tất cả hiện tượng này, không khởi tâm, không động niệm, giống như Bồ Tát vậy,

còn khởi tâm động niệm quý vị sai rồi. Khởi tâm động niệm là mê, khởi tâm động niệm là phàm phu, cho nên có sở đắc. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đây đều gọi là vô minh. Vô minh là đối với chân tướng sự thật không hiểu được, quý vị mới làm những sự việc này. Thực sự hiểu được quý vị làm sao mà làm sự việc này được?

Trong Tâm Kinh nói, kinh này thuộc Kinh Bát Nhã, “vô trí diệt vô đắc”, vô trí là trí tuệ chân thật, hữu trí thì sao, hữu trí là vô minh. Cho nên trí tuệ và tri thức không giống nhau. Hữu trí là tri thức, “vô trí” là trí tuệ. Bát nhã vô tri, nó khởi tác dụng là vô sở bất tri, kỳ diệu! Tri thức như thế nào? Tri thức là hữu tri, hữu sở bất tri. Trí tuệ là vô tri, vô sở bất tri. Quý vị xem nó làm sao mà giống nhau được? Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức không thể giải quyết vấn đề. Đạo lý này chỉ có Đại Thừa giảng rõ ràng, giảng thấu suốt. Nếu như dùng lời thô hiển để nói cho quý vị, vì sao hữu tri không thể giải quyết vấn đề? Hữu tri chắc chắn có xen tạp ý niệm tự tư tự lợi ở trong đó, vậy là làm cho vấn đề càng ngày càng phức tạp, làm phức tạp rồi không thể giải quyết. Vô tri, không những không có tự tư tự lợi, ngay khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều có. Họ sở hiện là trí tuệ viên mãn trong tự tánh. Cho nên “vô trí diệt vô sở đắc”, đây là hiển lộ tự tánh viên mãn. Đắc được cái gì? Họ thật có đắc. Đắc cái gì? họ đắc được là khắp pháp giới hư không giới, đắc được đại viên mãn. Không phải ở trong đó đắc được một thứ. Sự việc này chỉ có Như Lai và pháp thân Bồ Tát biết được. Nếu không người ta học những thứ này làm gì? Đây là điều pháp chí chân chí thật vô thượng trong tất cả pháp. Trong kinh giáo gọi là cứu cánh Nhất thừa. Những thứ này trong cuộc sống hằng ngày đều phải học thuộc nó trước. Thời thời khắc khắc có thể nhắc nhở bản thân, đây gọi là quán chiếu.

Lại nói “có sở đắc gọi là sanh tử luân, tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có sở kiến”. Quý vị xem chúng ta ra sức truy cầu thứ chúng ta muốn có, đắc được cái gì? Sanh tử luân hồi, đây là luân hồi. Khởi tâm động niệm đó là tạo nghiệp luân hồi. Quý vị tạo nghiệp luân hồi, quý vị làm sao có thể ra khỏi luân hồi được? Thực sự muốn ra khỏi luân hồi không còn tạo nghiệp luân hồi nữa. Trong nghiệp luân hồi quan trọng nhất chính là chấp trước. Chấp trước thật buông xuống rồi, vẫn còn phân biệt, vẫn còn vọng tưởng, họ có thể thoát ly lục đạo luân hồi, cho nên chúng ta liền biết nghiệp của lục đạo luân hồi là chấp trước. Có những người chấp trước kiên cố, đây là thành kiến. Thành kiến buông xuống rồi, liền có thể hằng thuận chúng sanh, không còn chấp trước nữa. Tâm phân biệt buông xuống rồi, không những có thể hằng thuận chúng sanh mà có thể tùy hỷ công đức. Đây là chân trí tuệ. Cho nên “Bồ Tát vĩnh đoạn nhất thiết sanh tử”. Phần đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử họ đều đoạn rồi, “cho nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc”, đây là sự thật. Bồ Tát “vô vi” mà “vô sở bất vi”, tuy “vô sở bất vi” nhưng thật là vô vi. Vì sao vậy? Vì họ vô sở đắc. Vì sao vẫn còn làm? Vì chúng sanh, không phải vì bản thân. Hết thấy đều là vì chúng sanh mà thi thiết, không có bản thân, đây là Bồ Tát. Vì người khác trong đó cũng có một phần vì bản thân thì vẫn là vì bản thân. Bồ

Tát là may mắn vì bản thân cũng không có. Điều này phải hiểu. Tất cả những thi thiết để Bồ Tát hóa độ chúng sanh, chắc chắn không có khởi tâm động niệm. Nếu như họ khởi tâm động niệm họ liền đọa vào vô minh rồi, tức đã thối chuyển, nhất định không có. Cho nên cảnh giới của những Thánh nhân này, chúng ta hoàn toàn không biết được. Chúng ta luôn hoài nghi đối với họ, họ vì sao làm việc này? sự việc này đối với họ nhất định có điều tốt. Chư vị Tổ sư cũng tùy thuận ý nghĩ của chúng ta. Nói có điểm tốt, thì có! Điều tốt gì? Nâng cao cảnh giới bản thân họ. Chúng ta nếu hỏi họ làm những việc tốt này, phải chăng là có ý nghĩ nâng cao cảnh giới của mình? Nói cho quý vị biết, không có. Nếu họ có ý nghĩ này, họ là phàm phu, họ không phải là Bồ Tát. Phải chăng có nâng cao? Thật sự nâng cao. Vô niệm vô vi mới nâng cao được, hữu niệm hữu vi chỉ có đọa lạc đi xuống, làm gì có nâng cao? Không có đạo lý này.

Chúng ta học Phật trong cuộc sống hằng ngày, điều đầu tiên cần học là tùy duyên, cái gì cũng tốt. Không nên bản thân có ý nghĩ, không nên bản thân nhất định muốn làm như thế này, làm như thế kia, đạt được cái này, đạt được cái kia, đều không nên. Quý vị mới thực sự tương ứng với Đại Thừa, bằng không học Đại thừa, mà những việc làm được vẫn là việc của phàm phu, vẫn là tâm luân hồi. Lợi ích chân thật của Đại Thừa quý vị chưa đạt được, lia tất cả tướng, tức tất cả pháp, quý vị mới thực sự đạt được.

Dưới đây Niết Bàn nói: “chân cứu cánh liễu nghĩa chi ngữ dã”, chúng ta phải cẩn thận để thể hội. Trong Kinh Niết Bàn nói: “vô sở đắc tức gọi là huệ, có sở đắc gọi là vô minh, có sở đắc gọi là sanh tử luân hồi, tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có sở kiến. Bồ Tát vĩnh đoạn tất cả sanh tử cho nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.” Câu này thực sự là nói về cứu cánh liễu nghĩa.

Lại chứng vô sở đắc, như Nhân Vương Kinh Lương Bôn Sớ viết: “tâm vô sở đắc là trí vô phân biệt vậy”. Đây là câu nói trong Nhân Vương Kinh Sớ, đây là cảnh giới Bồ Tát thực sự. Trong tất cả các pháp lục căn trong cảnh giới lục trần: nhãn đối với sắc, nhĩ đối với âm thanh, cho đến ý thức đối với tất cả pháp. Ý là ý nghĩ. Thực sự không phân biệt nữa chính là “bình đẳng” trong kinh đề của chúng ta.

Bình đẳng không phải là phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền là bình đẳng tánh trí, nhất định tâm không có sở đắc, tâm vô sở đắc chính là khởi dụng của vô phân biệt trí. Vô phân biệt trí là thể, tâm vô sở đắc là dụng, có thể có dụng. Từ dụng có thể nhìn thấy thể của quý vị, từ thể có thể nhìn thấy tác dụng của quý vị. Đây đều là cảnh giới chân thật của tu hành. Chúng ta ở trong Đại Thừa, chúng ta muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đương nhiên chưa đến cảnh giới này, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Khế nhập cảnh giới này rồi, là sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm. Điều này trong thiền tông nói là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là cảnh giới này, người thường không có. Nhưng sau khi chúng ta

hiểu rõ, chúng ta phải luyện tập trong cuộc sống hằng ngày. Luyện cái gì? Hai câu nói trong mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền, nỗ lực học tập: “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, không nên cố chấp thái quá về ý nghĩ của mình. Học cái gì? Cái gì cũng tốt, cái gì cũng tùy duyên.

Đầu năm dân quốc, có một người học được rất giỏi, rất đáng được chúng ta học tập, chúng ta có thể lấy Ngài để làm gương, chính là Hoàng Nhất đại sư. Hoàng Nhất đại sư trước khi xuất gia, đặc biệt lúc còn trẻ du học ở Nhật Bản, chúng ta đọc những câu chuyện đó, đó không phải là giả. Kiểu phân biệt chấp trước của Ngài là hơn người, hẹn ước cùng bạn bè, bạn bè đến thăm Ngài, hẹn đến 8 giờ, sáng sớm lúc 8 giờ quý vị đến, ngài nhất định đúng giờ, nếu như 8 giờ 1 phút, ngài liền đóng cửa, ngài không gặp quý vị nữa, vì quý vị thất hứa. Quý vị không giữ chữ tín, không gặp quý vị, lần sau hẹn lại, thật không dễ dàng, thật đúng giờ. Đến sớm cũng không được, đến muộn cũng không được, chấp trước đến như vậy, thành kiến rất nặng. Sau khi học Phật đã buông bỏ được tất cả, thế nào cũng được. Ngài đến thăm Singapore, cho nên ở Singapore bạn bè của Ngài cũng rất nhiều. Lão Hòa Thượng nói với tôi: Hoàng Nhất đại sư là người dễ thị giả nhất, thế nào cũng tốt, không có mấy may kén chọn nào. Ăn uống, đi ở mọi thứ đều tùy duyên, không tỉ mỉ chút nào. Đây là gì? Đây là sau khi Hoàng Nhất đại sư học Phật, thực sự đạt được lợi ích của kinh giáo Đại Thừa. Ngài không những học tốt, ngài thực sự làm được rồi. Thời khóa mỗi ngày của Ngài là “Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm”, chính là quyển cuối cùng. Thập Đại Nguyện Vương đạo quy cực lạc đọc rất thuộc. Quyển kinh này ngài có thể đọc thuộc, chuyển tâm, đây là điều chúng ta nên học. Đây là một phần của tâm vô sở đắc. Không chăm chỉ thực hành, phiền não không bỏ được, trí tuệ liền không thể khai mở.

Lại Duy Ma Huệ Viễn Sớ, Kinh Duy Ma do Huệ Viễn đại sư chú giải, trong đó nói: “Bồ Tát phá trừ tình tướng, đến vô đắc xứ, gọi vô sở đắc”. Tình tướng là gì? là tình chấp. Tình chấp buông xuống rồi liền đến vô đắc xứ. Vô đắc xứ là gì? Tất cả pháp bất khả đắc, đây là vô đắc xứ.

Vì sao bất khả đắc? tất cả pháp đều không, thể tánh không tịch, vạn pháp là huyễn có. Trong kinh giáo Đại Thừa đức Phật từng nói: “tất cả pháp đương thể tức không liễu bất khả đắc”. Cho nên quý vị ở đó khởi tâm có đắc, tâm có mất, tâm có được mất là hư huyễn, là giả dối, không phải chân thật.

Vì sao không có được mất? Hiện tượng này căn bản không tồn tại, không những tướng bên ngoài không tồn tại, thân của chính mình không tồn tại, thân tướng của bản thân không tồn tại, ý niệm, tư tưởng của bản thân, hiện tượng tinh thần đó cũng không tồn tại. Nhục thể là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng không tồn tại, ngay hiện tượng tự nhiên đều không tồn tại. Đây thật là vô đắc xứ, đó gọi là vô sở đắc.

Nay nói chứng vô sở đắc tức đến vô đắc xứ vậy. Quý vị vào cảnh giới này rồi, cảnh giới này Pháp thân Bồ Tát chứng được, không phải là người thường. Chúng ta nếu như vào cảnh giới này, cự ly với chứng đắc pháp thân đã rất gần rồi. Cảnh giới pháp thân chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Người niệm Phật rất giỏi vãng sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư, bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì quý vị. Quý vị liền trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này khó quá! Bản thân phải tu, tu đến cảnh giới này, mới có thể chứng đắc A Duy Việt Trí, không dễ dàng!

Chúng ta đọc kinh văn này dường như không khó, suy nghĩ tỉ mỉ quý vị làm theo, thật không dễ dàng, tình chấp không buông xuống được, khó buông xuống nhất chính là thứ này vậy. Vật ngoài thân còn dễ, tình chấp khó nhất, tình chấp buông không được, lục đạo rất khó vượt qua. Tình chấp thực sự buông xuống rồi, mới có thể thoát ly lục đạo luân hồi. A la hán không dễ dàng gì, A la hán đã buông xả được rồi, tuy buông xuống rồi những vẫn còn tập khí, tập khí vẫn còn rất đậm. Nhưng tập khí đối với họ chướng ngại không lớn. Họ có thể vượt qua lục đạo luân hồi, có thể sanh đến Tịnh Độ. Tịnh Độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là pháp giới Tứ Thánh, Tịnh Độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thật không dễ!

Thực sự đến vô sở đắc, đó không phải là A la hán, đó là Pháp thân Bồ Tát. A la hán cách chứng vô sở đắc vẫn còn một lộ trình rất xa. Chúng ta muốn đến nơi này, tự nhiên sẽ nghĩ đến niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tôi không đi con đường vòng này, đường vòng này dài quá, khó đi quá. Niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ là một con đường thẳng, dứt khoát đi theo Phật A Di Đà, không còn vọng tưởng gì khác nữa. Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, tại thế giới Cực Lạc nhất định một đời thành tựu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 471